

Bản án số: 29/2021/HS-ST
Ngày 17 - 8 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ma Hồng Thắng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Lê Tâm, bà Trịnh Hồng Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Ông Trần Thành Đô - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 30/2021/TLST - HS ngày 04 tháng 8 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2021/QĐXXST - HS ngày 04 tháng 8 năm 2021 đối với bị cáo:

Lê Văn N, sinh ngày 13 tháng 4 năm 1992 tại tỉnh Hòa Bình.

Nơi ĐKNKTT: Tổ 2, phường T, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình; chỗ ở hiện nay: Tổ 18, phường Minh Xuân, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang; Nghề nghiệp: Lao động tự do; đoàn thể, đảng: không; trình độ văn hóa (học vấn) lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn B và bà Nguyễn Thị Thanh H; có vợ Nguyễn Thị Thu H và 01 con;

Tiền án: Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 24/2019/HSST ngày 06/3/2019 của Tòa án nhân dân Quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội xử phạt Lê Văn N 14 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 27/12/2019);

Nhân thân: Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 108/2011/HSST ngày 30/12/2011 của Tòa án nhân dân thành phố Hòa Bình xử phạt Lê Văn N 24 tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản (bị cáo đã chấp hành nộp khoản tiền án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm ngày 20/6/2012).

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/3/2021, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Tuyên Quang (có mặt).

- Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Lê Quý Thành và Luật sư Trần Thị Kim Oanh, Văn phòng Luật sư Minh Hà Ngân, Đoàn Luật sư tỉnh Tuyên Quang (có mặt);

Địa chỉ: Tổ 5, phường Tân Quang, TP. Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Bùi Minh L, sinh năm 1992; có mặt;

Nơi cư trú: Tổ 15, phường M, TP. Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

2. Bà Trần Thu H, sinh năm 1972; có mặt;

Nơi cư trú: Tổ 11, phường P, TP. Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

Chỗ ở hiện nay: Ngõ 108, đường Ngô Quyền, Tổ 17, phường Minh Xuân, TP. Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

3. Anh Nguyễn Việt D, sinh năm 1995; vắng mặt;

Nơi cư trú: Tổ 7, phường T, TP. Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 13/3/2021, Lê Văn N, sinh năm 1992, đăng ký thường trú tại tổ 2, phường T, thành phố Hoà Bình, tỉnh Hoà Bình (đang làm thuê tại Quán cà phê “S” ở thành phố Tuyên Quang và thuê nhà trọ tại tổ 18, phường Minh Xuân, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang), gọi điện từ số máy của mình 0852.333.593 cho một đối tượng là phụ nữ tên Y ở tỉnh Thái Nguyên có số máy là 0334.161.096 để hỏi mua ma túy (N khai quen Y trong lần đến một quán Bar ở thành phố Hà Nội và biết Y bán ma túy, nhưng không rõ họ, tên đệm và địa chỉ cụ thể). Qua trao đổi, N đề nghị Y bán cho một số loại ma túy, với tổng số tiền là 32.000.000 đồng (bao gồm 4.000.000 đồng ma túy loại Methamphetamine, 10.000.000 đồng ma túy loại MDMA và 18.000.000 đồng ma túy loại Ketamine), Y đồng ý và hẹn N khoảng 01 giờ ngày 14/3/2021 sẽ có người mang ma túy đến khu vực nhà trọ giao cho N. Đến thời gian hẹn, N một mình từ nhà trọ đi ra phía ngoài đường thì gặp một người đàn ông đi xe taxi đến hỏi N và giao gói ma túy cho N (N không quen biết người đàn ông này và không nhớ biển kiểm soát của xe taxi). Sau khi kiểm tra số ma túy và đưa cho người đàn ông số tiền 32.000.000 đồng, N mang gói ma túy trên về phòng trọ lấy ra một ít ma túy đá để sử dụng, số còn lại N cất giấu ở khu vực gần bếp ga trong phòng trọ với mục đích để bán kiếm lời.

Khoảng 20 giờ 30 phút ngày 18/3/2021, Ninh nhận được cuộc gọi từ số máy 0859.600.323 của Nguyễn Việt D, sinh năm 1995, trú tại tổ 7, phường T, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang, D nói với N “*em là em anh D T, anh bán cho em 300.000 đồng ma túy đá*” và hẹn N mang ma túy đá đến cho D tại quán Karaoke “No92” thuộc phường Tân Quang, thành phố Tuyên Quang. N đồng ý và điều khiển xe mô tô BKS 22B1-278.89 đi đến điểm hẹn để bán ma túy cho D, khi N đi đến đường Bình Thuận, thuộc khu vực tổ 12, phường Tân Quang, thành phố Tuyên Quang thì bị Tổ công tác của Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy

Công an tỉnh Tuyên Quang phát hiện, mời về Trụ sở Công an phường Tân Quang làm việc và thu giữ số ma túy mà N cất giấu trong các túi áo khoác đang mặc trên người: Tại túi áo bên trong, phía bên trái thu giữ 02 túi nilon nhỏ (ký hiệu niêm phong M1), trong đó 01 túi màu trắng, mép viền màu đỏ, bên trong đựng 05 túi nilon nhỏ màu trắng đều chứa chất tinh thể màu trắng; 01 túi mép viền màu đỏ bên trong đựng 02 túi nilon màu trắng, 01 túi mép viền màu đỏ chứa 03 viên nén màu đỏ trên mặt dập chữ WY, 01 túi màu trắng chứa chất tinh thể màu trắng. Tại túi áo bên ngoài, phía bên trái thu giữ 04 túi nilon màu trắng (ký hiệu niêm phong M2), trong đó 01 túi có mép viền màu đỏ chứa 10 viên nén màu xanh hình tam giác, trên mặt dập hình đầu lâu; 03 túi màu trắng đều chứa chất tinh thể màu trắng.

Tiếp đến hồi 22 giờ 35 phút cùng ngày, Cơ quan điều tra tiến hành khám xét khẩn cấp tại chỗ ở của N và phát hiện, thu giữ: 01 túi nilon màu trắng, mép viền màu đỏ, chứa chất tinh thể màu trắng cất giấu trong hộp giấy màu đen để trên bàn bếp ga; 03 túi nilon, gồm 01 túi mép viền màu đỏ chứa 19 viên nén màu đỏ, trên mặt dập chữ WY, 01 túi mép viền màu đỏ chứa 39 viên nén màu xanh, trên mặt dập hình đầu lâu, 01 túi màu trắng chứa 11 gói nilon nhỏ màu trắng có mép viền màu xanh và đều chứa chất tinh thể màu trắng được cất giấu trong hộp nhựa màu đen để phía sau bếp ga; 01 túi nilon màu trắng chứa 02 viên nén màu xanh, trên mặt các dập hình đầu lâu cất giấu phía bên dưới gầm bếp ga (toàn bộ số tang vật này được niêm phong và ký hiệu M3).

Tại Bản kết luận giám định số 323/GĐKTHS ngày 23/3/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang, kết luận:

- 03 viên nén màu đỏ trong bì ký hiệu M1 và 19 viên nén màu đỏ trong phong bì ký hiệu M3 gửi giám định là chất ma túy, loại Methamphetamine, tổng khối lượng là 2,308 gam (*Hai phẩy ba không tám gam*).

- Số chất tinh thể màu trắng trong bì ký hiệu M1 và số chất tinh thể màu trắng trong 01 túi nilon màu trắng trong phong bì ký hiệu M2 gửi giám định là chất ma túy, loại Methamphetamine, tổng khối lượng là 1,984 gam (*Một phẩy chín tám tư gam*).

- 10 viên nén màu xanh trong bì ký hiệu M2 và 41 viên nén màu xanh trong bì ký hiệu M3 gửi giám định là chất ma túy, loại MDMA, tổng khối lượng là 22,75 gam (*Hai hai phẩy bảy lăm gam*).

- Số chất tinh thể màu trắng trong 02 túi nilon màu trắng trong bì ký hiệu M2 và số chất tinh thể màu trắng trong bì ký hiệu M3 gửi giám định là chất ma túy, loại Ketamine, tổng khối lượng là 10,486 gam (*Mười phẩy bốn tám sáu gam*).

Bản Cáo trạng số 36/CT-VKS-P1 ngày 03 tháng 8 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang đã truy tố: Bị cáo Lê Văn N về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm h khoản 3 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

Phản tranh luận, Kiểm sát viên trình bày luận tội: Giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo như nội dung bản Cáo trạng đã nêu và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố: Bị cáo Lê Văn N phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Căn cứ: Điểm h khoản 3 Điều 251; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; đoạn 1 điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Văn N từ 16 năm tù đến 17 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 18/3/2021).

Về hình phạt bổ sung (phạt tiền): Do bị cáo là người nghiện ma túy, không có tài sản, nên không đề nghị phạt tiền đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy 01 bì niêm phong còn nguyên vẹn mặt trước ghi “Tang vật vụ: LÊ VĂN N, Giám định ngày 19/3/2021”, mặt sau trên các mép dán có chữ ký xác nhận của các thành phần tham gia niêm phong và đương sự, cùng 05 hình dấu của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang bên trong là ma túy (Biên bản mở niêm phong ngày 19/3/2021).

Tịch thu của bị cáo Lê Văn N 01 điện thoại di động Iphone, màn hình cảm ứng, nắp lưng màu đen, số Imel 359178075593245, máy cũ đã qua sử dụng, có nhiều vết xước sứt, không kiểm tra chất lượng của máy.

Trả lại cho bị cáo Lê Văn N 01 Chứng minh nhân dân số 113588091, mang tên Lê Văn N do Công an tỉnh Hòa Bình cấp ngày 26/02/2020.

Trả lại cho chị Trần Thu H, sinh năm 1972, trú tại tổ 11, phường Phan Thiết, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang 01 xe mô tô hiệu Vespa, màu sơn trắng, BKS 22B1-278.89, xe không có gương, số khung 050412, số máy M665M*4046672*, xe cũ đã qua sử dụng, có nhiều vết xước sứt, không kiểm tra chi tiết tình trạng xe.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định về án phí và tuyên quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo Lê Văn N trình bày luận cứ: Nhất trí tội danh, điều luật và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như Kiểm sát viên đã trình bày, đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo ở mức khởi điểm của khung hình phạt để bị cáo có điều kiện cải tạo, sớm trở về với gia đình và cộng đồng xã hội.

Bị cáo Lê Văn N nhất trí với luận cứ bào chữa của Luật sư, không có ý kiến tham gia tranh luận.

Kết thúc phần tranh luận, bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, bị cáo tiếp tục thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của những người làm chứng, biên bản bắt người phạm tội quả tang, Biên bản khám xét, vật chứng thu giữ, Kết luận giám định và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Tại phiên tòa không phát sinh tình tiết mới.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng đã nêu. Lời khai nhận tội phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng từ 20 giờ 30 phút đến 22 giờ 35 phút ngày 18/3/2021, Lê Văn N, sinh năm 1992, đăng ký nhân khẩu thường trú tổ 2, phường T, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình (tạm trú tại tổ 18, phường Minh Xuân, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang) đã có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, bao gồm: chất ma túy loại Methamphetamine, tổng khối lượng là 4,292 gam; chất ma túy loại MDMA, tổng khối lượng là 22,75 gam; chất ma túy loại Ketamine, tổng khối lượng là 10,486 gam, nhằm mục đích để bán kiếm lời.

Căn cứ Nghị định số 19/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ quy định về việc tính tổng khối lượng hoặc thể tích chất ma túy tại một số điều của Bộ luật hình sự năm 2015, thì khối lượng ma túy loại Methamphetamine là 4,292 gam = 4,292%; khối lượng ma túy loại MDMA là 22,75 gam = 22,75%; khối lượng ma túy loại Ketamine là 10,486 gam = 3,495%. Tổng 03 (ba) chất ma túy = 30,537%.

Như vậy Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang truy tố đối với bị cáo là đúng người, đúng tội. Hội đồng xét xử đủ căn cứ quy kết bị cáo Lê Văn N phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy; tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm h khoản 3 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

[3] Hội đồng xét xử thấy hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến các quy định của nhà nước về quản lý các chất ma túy. Bản thân bị cáo là người có đủ năng lực, nhận thức được hành vi của mình nhưng đã cố ý coi thường pháp luật. Bị cáo có nhân thân xấu, đã bị xét xử nhưng không lấy đó làm bài học để cải tạo bản thân mình sống có ích cho xã hội mà còn tiếp tục có các hành vi mua bán ma túy với khối lượng lớn mục đích để bán kiếm lời, lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm. Hành vi của bị cáo không những làm ảnh hưởng đến sức khỏe, kinh tế của bị cáo và gia đình mà còn là nguyên nhân làm gia tăng các loại tội phạm khác phát triển, hành vi đó đi ngược lại với chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, làm mất an ninh chính trị tại địa phương. Vì vậy, cần áp dụng một mức hình phạt tù thật nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, đồng thời để phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo như sau:

- Tình tiết tăng nặng: Bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng Tái phạm quy định tại đoạn 1 điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

- Tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đều thành khẩn khai báo, ông nội bị cáo là Liệt sỹ, bố bị cáo có thành tích trong quá trình lao động được tặng Kỷ niệm chương về sự nghiệp xây dựng, là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Về hình phạt bổ sung (phạt tiền): Do bị cáo là người nghiện ma túy, không có tài sản, nên không đề nghị phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Về mức án Viện kiểm sát đề nghị, Hội đồng xét xử xét thấy phù hợp cần xử phạt bị cáo mức án trong mức đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo.

[6] Đối với luận cứ bào chữa của Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo ở mức khởi điểm của khung hình phạt. Hội đồng xét xử thấy rằng: Bị cáo phạm tội thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng, mua bán khối lượng ma túy lớn, lần phạm tội này của bị cáo là tái phạm. Xét tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội cần phải xử nghiêm, do vậy không chấp nhận như luận cứ của các Luật sư.

[7] Về xử lý vật chứng:

Tịch thu tiêu hủy 01 bì niêm phong còn nguyên vẹn mặt trước ghi “Tang vật vụ: LÊ VĂN N, Giám định ngày 19/3/2021”, mặt sau trên các mép dán có chữ ký xác nhận của các thành phần tham gia niêm phong và đương sự, cùng 05 hình dấu của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang bên trong là ma túy (Biên bản mở niêm phong ngày 19/3/2021).

Tịch thu của bị cáo Lê Văn N 01 điện thoại di động Iphone, màn hình cảm ứng, nắp lưng màu đen, số Imel 359178075593245, máy cũ đã qua sử dụng, có nhiều vết xước sứt, không kiểm tra chất lượng của máy.

Trả lại cho bị cáo Lê Văn N 01 Chứng minh nhân dân số 113588091, mang tên Lê Văn N do Công an tỉnh Hòa Bình cấp ngày 26/02/2020.

Trả lại cho chị Trần Thu H, sinh năm 1972, địa chỉ nơi cư trú: Tổ 11, phường P, TP. Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang; Chỗ ở hiện nay: Ngõ 108, đường Ngô Quyền, Tổ 17, phường Minh Xuân, TP. Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang 01 xe mô tô hiệu Vespa, màu sơn trắng, BKS 22B1-278.89, xe không có gương, số khung 050412, số máy M665M*4046672*, xe cũ đã qua sử dụng, có nhiều vết xước sứt, không kiểm tra chi tiết tình trạng xe.

[8] Đối với đối tượng phụ nữ tên Y mà bị cáo khai đã bán ma túy cho bị cáo ngày 14/3/2021. Kiểm tra danh bạ điện thoại của bị cáo N có lưu tên “A Y”, số điện thoại là 0334.161.096, nhưng xác minh thì chủ thuê bao số điện thoại trên là của Lã Thị V, sinh năm 1998, trú tại Đội 3, thôn My Dương, xã Thanh Mai, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội. Cơ quan điều tra đã triệu tập nhiều lần nhưng Vân không có mặt tại địa phương từ tháng 3/2021, gia đình và chính quyền không biết

Vân đi đâu, làm gì, nên chưa có căn cứ để xác định Vân có liên quan đến hành vi mua bán trái phép chất ma túy hay không. Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh làm rõ, nếu có căn cứ sẽ xem xét, xử lý sau.

Đối với đối tượng là người đàn ông đi xe taxi đến giao ma túy cho bị cáo N tại khu vực gần nhà trọ của bị cáo lúc 01 giờ ngày 14/3/2021. Bị cáo N không quen biết người đàn ông này, không nhớ biển kiểm soát của xe taxi và quá trình điều tra không xác định được tên tuổi, địa chỉ của đối tượng trên, nên không có căn cứ để làm rõ và xử lý.

Đối với Nguyễn Việt D, sinh năm 1995, trú tại tổ 7, phường T, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang là người sử dụng số điện thoại 0859.600.323 gọi cho bị cáo N hỏi mua ma túy đá ngày 18/3/2021. D khai được người thường gọi là D T giới thiệu và cho số điện thoại của bị cáo N (D quen D T ở quán rượu, nhưng không biết nhà ở đâu); ngoài ra, Cơ quan điều tra đã tiến hành xét nghiệm tìm chất ma túy trong cơ thể Dũng, kết quả (-) âm tính, không có chất ma túy trong cơ thể. Hành vi trên của Nguyễn Việt D chưa đủ yếu tố cấu thành tội Mua bán trái phép chất ma túy, nên không xem xét, xử lý.

Đối với đối tượng tên thường gọi là D T, qua kiểm tra danh bạ điện thoại của bị cáo Ninh có lưu tên “PHẠM MẠNH D”, số điện thoại là 0917.623.002; xác minh số thuê bao trên là của Phí Thị Kim O, sinh năm 1972, trú tổ 11, phường Tân Quang, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang, nhưng O không sử dụng số thuê bao trên và cũng không biết ai là Phạm Mạnh D, nên không có căn cứ xem xét, xử lý.

Về chiếc xe mô tô biển kiểm soát 22B1-278.89 mà bị cáo Ninh sử dụng đi bán ma túy cho Nguyễn Việt D ngày 18/3/2021. Quá trình điều tra xác định chiếc xe này là của chị Trần Thu H, sinh năm 1972, trú tổ 11, phường P, thành phố Tuyên Quang cho con trai là Bùi Minh L, sinh năm 1992, trú tại tổ 15, phường M, thành phố Tuyên Quang sử dụng. Do L vay của Nguyễn Anh T (Cu Mủ), trú tại tổ 1, phường Minh Xuân, thành phố Tuyên Quang số tiền 5.000.000 đồng, nên đã để lại chiếc xe mô tô trên cho T giữ làm tin; T đã nhờ bị cáo N (bạn của T) nhận hộ chiếc xe trên và bị cáo đã sử dụng để đi lại. Cơ quan điều tra tiến hành xác minh nhưng gia đình và chính quyền địa phương không biết hiện T đi đâu, làm gì nên không có căn cứ để làm rõ.

[9] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên thuộc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Tuyên Quang; Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bào chữa cho bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[10] Về án phí: Bị cáo Lê Văn N phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[11] Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điểm h khoản 3 Điều 251; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; đoạn 1 điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự:

Tuyên bố bị cáo Lê Văn N phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Xử phạt: Bị cáo Lê Văn N 16 (Mười sáu) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 18/3/2021).

Căn cứ: Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự:

Tịch thu tiêu huỷ: 01 (Một) bì niêm phong còn nguyên vẹn, mặt trước bì ghi “Tang vật vụ Lê Văn N, giám định ngày 19/3/2021, mặt sau bì tại các mép dán có chữ ký xác nhận của thành phần tham gia niêm phong và đương sự cùng 05 hình dấu của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tuyên Quang, bên trong là ma túy (đặc điểm, khối lượng được miêu tả như trong biên bản mở niêm phong ngày 19/3/2021).

Tịch thu của bị cáo 01 (Một) điện thoại di động Iphone, lưng điện thoại màu đen. Điện thoại cũ, xước nhiều chỗ đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong máy, hiện máy không hoạt động được không xác định được số IMEI.

Trả lại cho bị cáo Lê Văn N 01 (Một) giấy Chứng minh nhân dân số 113588091 mang tên Lê Văn N do Công an tỉnh Hoà Bình cấp ngày 26/02/2020.

Trả lại cho chị Trần Thu H, sinh năm 1972, địa chỉ nơi cư trú: Tổ 11, phường P, TP. Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang; Chỗ ở hiện nay: Ngõ 108, đường Ngô Quyền, Tổ 17, phường Minh Xuân, TP. Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang: 01 (Một) xe máy Vespa, màu sơn trắng, biển kiểm soát 22B1-278.89, xe không có gương, số khung *RP8M66300CV044626*, số máy: M665M*4046672*, xe cũ bị móp méo đã qua sử dụng có nhiều vết xước sứt, không kiểm tra chi tiết tình trạng xe.

(Tình trạng vật chứng như Biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Tuyên Quang và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang lập ngày 04/8/2021).

Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Bị cáo Lê Văn N phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (được kháng cáo phần có liên quan) có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (17/8/2021). Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại Hà Nội
- VKSND Cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh T.Quang;
- Cục THADS tỉnh T. Quang;
- Công an tỉnh T.Quang (CQCSĐT + Phòng hồ sơ);
- Trại tạm giam Công tỉnh T.Quang;
- Sở Tư pháp tỉnh T.Quang;
- Bị cáo; Người bào chữa; Người có QLNVLQ;
- Văn phòng TAND tỉnh;
- Lưu HS + Toà án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Ma Hồng Thắng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA
PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Kim Thanh

Bà Nguyễn Thị Hiên

Hồ Thanh Sơn

